

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025

Tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG	12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS

Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2025
Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/05/2022 miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2022
Bà Phạm Lê Tú Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2022
Bà Đặng Hồng Thi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2022 miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Phạm Quốc Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2022 miễn nhiệm ngày 26/04/2025

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đăng Khôi Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ là Bà Phan Thanh Trà – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được miễn nhiệm ngày 26/04/2025 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Trần Bảo Tín – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ là Bà Lê Thị Nhi đã được miễn nhiệm ngày 01/08/2025 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Quý Phương Toàn – Kế toán trưởng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Đặng Trần Bảo Tín

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Số: 833/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

**Kính gửi: Các Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 1 của Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại đó, Công ty trình bày thông tin về vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động liên tục và các giải pháp đã và đang thực hiện để Công ty tiếp tục hoạt động trong thời gian tới.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 5586-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.547.175.830	386.994.432.085
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		319.839.814.594	386.666.154.358
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	308.899.099.933	165.887.502.307
Tiền	111.1		35.899.099.933	15.887.502.307
Các khoản tương đương tiền	111.2		273.000.000.000	150.000.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6	-	215.000.000.000
Các khoản phải thu	117	7	1.372.317.808	5.531.452.051
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		1.372.317.808	5.531.452.051
Trả trước cho người bán	118	8	9.707.302.453	647.200.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	150.000.000
Các khoản phải thu khác	122	9	38.896.094.400	38.885.000.000
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	16	(39.035.000.000)	(39.435.000.000)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		1.707.361.236	328.277.727
Tạm ứng	131		5.277.236	-
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		163.588.460	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	1.533.495.540	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	5.000.000	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	17	-	328.277.727
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.493.211.584	556.714.291
Tài sản cố định	220		21.332.231.900	-
Tài sản cố định hữu hình	221	13	21.332.231.900	-
- Nguyên giá	222		21.575.396.840	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(243.164.940)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	12	8.485.915.211	-
Tài sản dài hạn khác	250		35.675.064.473	556.714.291
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	35.150.371.268	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	524.693.205	556.714.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		387.040.387.414	387.551.146.376

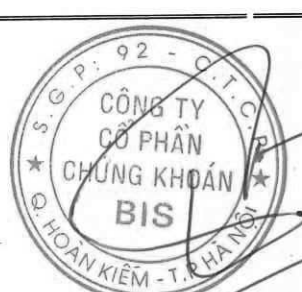
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		836.520.939	1.797.680.812
Nợ phải trả ngắn hạn	310		836.520.939	1.797.680.812
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		11.486	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	581.417.692	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	231.324.325	1.547.264.146
Phải trả người lao động	323		3.640.350	70.416.666
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		14.770.274	180.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		5.356.812	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		386.203.866.475	385.753.465.564
Vốn chủ sở hữu	410	18	386.203.866.475	385.753.465.564
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		500.000.000.000	500.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(113.796.133.525)	(114.246.534.436)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(113.796.133.525)	(114.246.534.436)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		387.040.387.414	387.551.146.376

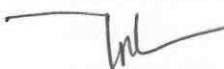

Lê Thị Nhi
Người lập biểu

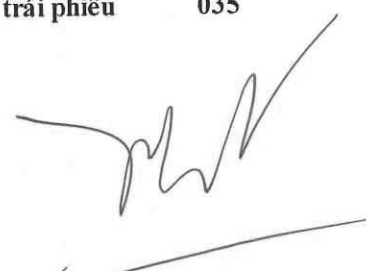

Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng

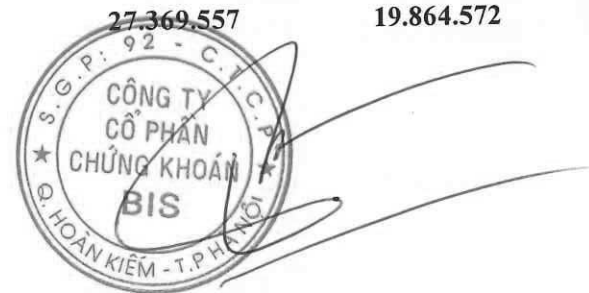

Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004	19.1	10.547.688.624	10.547.688.624
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	19.2	50.000.000	50.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19.3	431.630.000	417.740.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		431.630.000	417.740.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	19.4	22.660.000	22.660.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		22.660.000	22.660.000
Tiền gửi của khách hàng	026	19.5	131.205.247	123.700.262
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	027		103.835.690	103.835.690
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		27.369.557	19.864.572
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	19.6	103.835.690	103.835.690
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031.1		103.835.690	103.835.690
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		27.369.557	19.864.572


Lê Thị Nhi
Người lập biểu


Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng


Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	20	7.585.516.441	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	20	-	3.700.000.000
Cộng doanh thu hoạt động			7.585.516.441	3.700.000.000
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	21	347.440.260	174.000.000
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	21	268.225.893	347.293
Cộng chi phí hoạt động	40		615.666.153	174.347.293
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	22	87.190.332	277.696.327
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		87.190.332	277.696.327
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	23	6.561.925.251	1.227.599.478
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		495.115.369	2.575.749.556
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		-	13.000
Chi phí khác	72	24	44.714.458	12.612.730
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(44.714.458)	(12.599.730)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		450.400.911	2.563.149.826
Lợi nhuận đã thực hiện	91		-	(139.047.710)
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		450.400.911	2.563.149.826
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	25	9	95
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502	25	9	95

Lê Thị Nhi
Người lập biểu

Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng

Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		450.400.911	2.563.149.826
Điều chỉnh cho các khoản	02		3.915.108.851	(140.984.611)
- Khấu hao TSCĐ	03		243.164.940	136.711.716
- Các khoản dự phòng	04		(400.000.000)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(87.190.332)	(277.696.327)
- Dự thu tiền lãi	08		4.159.134.243	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		168.588.188.497	(701.037.840)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		215.000.000.000	-
- (Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		150.000.000	-
- Tăng các khoản phải thu khác	39		(9.071.196.853)	(37.987.170)
- (Tăng)/ giảm các tài sản khác	40		154.412.031	(350.711.480)
- Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(165.229.726)	(91.666.666)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	42		(36.683.866.808)	-
- Thuế TNDN đã nộp	43		(1.381.814.992)	-
- Tăng/ (giảm) phải trả cho người bán	45		581.429.178	11.188
- Tăng/ (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi	46		-	16.758.900
- Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		65.875.171	(353.190.227)
- Tăng/ (giảm) phải trả người lao động	48		(66.776.316)	115.744.800
- Tăng/ (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		5.356.812	2.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		172.953.698.259	1.721.127.375
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(30.061.312.051)	-
- Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		119.211.418	303.696.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(29.942.100.633)	303.696.321

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	280.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	280.000.000.000
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		143.011.597.626	282.024.823.696
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	5	165.887.502.307	97.290.762.058
- Tiền	101.1		15.887.502.307	97.290.762.058
- Các khoản tương đương tiền	101.2		150.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	308.899.099.933	379.315.585.754
- Tiền	103.1		35.899.099.933	379.315.585.754
- Các khoản tương đương tiền	103.2		273.000.000.000	-


Lê Thị Nhi
Người lập biểu


Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng


Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	7.504.985	4.965.247
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>	<i>7.504.985</i>	<i>4.965.247</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	123.700.262	111.358.194
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	103.835.690	103.835.690
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	19.864.572	7.522.504
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	131.205.247	116.323.441
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	103.835.690	103.835.690
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	27.369.557	12.487.751


Lê Thị Nhi
Người lập biểu

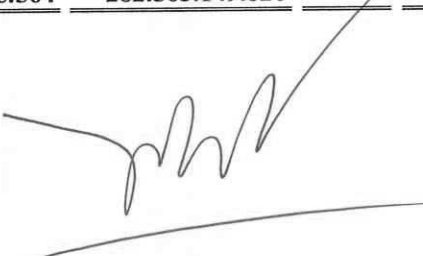

Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng


Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2024	Tại 01/01/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		Tại 30/06/2024	Tại 30/06/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu	12	99.326.457.426	385.753.465.564	282.563.149.826	-	450.400.911	-	381.889.607.252	386.203.866.475
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	220.000.000.000	500.000.000.000	280.000.000.000	-	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	12	220.000.000.000	500.000.000.000	280.000.000.000	-	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	12.2	(120.673.542.574)	(114.246.534.436)	2.563.149.826	-	450.400.911	-	(118.110.392.748)	(113.796.133.525)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	12.2	(120.673.542.574)	(114.246.534.436)	2.563.149.826	-	450.400.911	-	(118.110.392.748)	(113.796.133.525)
Cộng		99.326.457.426	385.753.465.564	282.563.149.826	-	450.400.911	-	381.889.607.252	386.203.866.475


Lê Thị Nhi
Người lập biểu


Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng


Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam) (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 51/GPĐC-UBCK ngày 17/07/2025, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 19/06/2024. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Trụ sở của Công ty đặt tại: Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(Nghị quyết Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/GPĐC-UBCK, ngày 17/07/2025)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hạn chế cho vay

Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký thành viên với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam theo công văn số 784/SGDVN-QLTV ngày 24/07/2025. Sau khi hoàn thiện các thủ tục theo công văn của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và nhận được văn bản hoàn tất các thủ tục của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục tiếp theo với Sở GDCK TP.HCM, Sở GDCK Hà Nội.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/ TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán” và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư được quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

Hạn chế đầu tư (tiếp)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty TNHH hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có những dấu hiệu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục như sau:

- (i) Từ tháng 8 năm 2015, Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lại;
- (ii) Công ty có số lỗ lũy kế là 113.796.133.525 VND.
 - Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc cải tạo văn phòng trụ sở chính, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật IT, hệ thống giao dịch chứng khoán, máy móc thiết bị để thực hiện đăng ký bổ sung nghiệp vụ, đăng ký bổ sung thành viên, đăng ký kết nối với Sở Giao dịch;
 - Ngày 29/04/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK về việc thay đổi trụ sở chính: Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP.HCM;
 - Ngày 17/07/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/GPĐC-UBCK về việc bổ sung nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Từ tháng 5/2025 đến nay, Công ty đã nộp các hồ sơ đăng ký để đăng ký thành viên với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam cũng như hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Và theo công văn số 784/SGDVN-QLTV ngày 24/07/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, sau khi Công ty hoàn thiện các thủ tục theo công này, Công ty sẽ thực hiện kiểm thử hệ thống giao dịch với Sở GDCK TP.HCM, Sở GDCK Hà Nội theo quy định.

Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng việc áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập Báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán:

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc uỷ thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xoá lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thoả mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau khi nhận ban đầu theo giá gốc dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc năm tài chính, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp là chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**B09-CTCK***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

Đối với các tài sản thể chấp chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định**Thời gian hữu dụng ước tính
(Năm)**

- Máy móc, thiết bị

05-15

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu**• Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**B09-CTCK***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

• Thu nhập hoạt động khác:

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty
- Công ty TNHH Đầu tư Gkey Homes (trước là Công ty TNHH Hưng An Điền): Cổ đông lớn.
- Và các bên liên quan khác được công bố trên Báo cáo tình hình quản trị Công ty ngày 23/01/2025

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	35.899.099.933	15.887.502.307
- Tiền mặt	808.388	808.388
- Tiền gửi ngân hàng (i)	35.898.291.545	15.886.693.919
Các khoản tương đương tiền	273.000.000.000	150.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (ii)	273.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	308.899.099.933	165.887.502.307

- (i) Tiền gửi ngân hàng trong đó bao gồm tiền gửi trên tài khoản số 000002455357 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với số dư tại ngày 30/06/2025 là 35.716.432.089 VND, tài khoản số 8610012008 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với số dư tại ngày 30/06/2025 là 103.017.809 VND và các tài khoản khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- (ii) Tại 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội hưởng mức lãi suất từ 4,20%/năm – 4,75%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	215.000.000.000
Cộng	-	215.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.372.317.808	847.397.258
- Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	-	4.684.054.793
Cộng	1.372.317.808	5.531.452.051

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	8.348.255.803	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Goline	700.000.000	-
- Công ty Luật Tuấn Minh (i)	150.000.000	150.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	172.800.000	97.200.000
- Công ty Luật hợp danh Chấn Hưng (Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền)	-	400.000.000
- Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	163.500.000	-
- Trung tâm kinh doanh VNPT TP. HCM - Chi nhánh Tổng Công ty dịch vụ viễn thông	172.746.650	-
Cộng	9.707.302.453	647.200.000

- (i) Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH Tuấn Minh số 1211/2020/HĐTT/LTM-KVS ngày 12/11/2020, theo đó, Công ty Luật TNHH Tuấn Minh tư vấn pháp lý và tham gia tổ tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong quá trình thụ án và giải quyết sơ thẩm vụ án tranh chấp Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư giữa Công ty với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Bất động sản Đông Á (i)	22.000.000.000	22.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (iii)	9.500.000.000	9.500.000.000
- Khương Tuấn Sơn (iv)	385.000.000	385.000.000
- Đối tượng khác	11.094.400	-
Cộng	38.896.094.400	38.885.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**B09-CTCK***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)****(i) Tổng Công ty Bất động sản Đông Á:**

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HDTUVD/TVS-ĐA/2011 ngày 20/12/2011 với Tổng Công ty Bất động sản Đông Á và các phụ lục số 01 và 02, về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng “Dự án Khu Resort - Khu cầu Bình Hoà - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hoá”, giá trị 25.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư là 10 tháng được gia hạn đến ngày 25/09/2014 và lợi nhuận thỏa thuận là 2%/tháng, giảm xuống còn 1,2%/tháng kể từ ngày 01/10/2012. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay này bao gồm: Nhà số 31 Hàng Than; Khu Resort - Khu cầu Bình Hoà - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hoá và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất thửa số 1343, thôn Châu An, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá;

Theo biên bản làm việc ngày 13/02/2014, hai bên đã thống nhất lộ trình thanh toán các khoản nợ, nhưng đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được khoản tiền nào từ Tổng Công ty Bất động sản Đông Á theo như Biên bản đã ký. Công ty đã ngừng dự thu lợi nhuận của Công ty Bất Động sản Đông Á từ ngày 28/02/2013 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Công ty nộp đơn khởi kiện lên Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá và đã có Bản án sơ thẩm số 12/2016/KDTM-ST ngày 25/07/2016 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá và Bản phúc thẩm số 16/2016/KDTM-PT ngày 10/10/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 28/10/2016, Công ty đã có đề nghị Giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên và nhận được Quyết định Giám đốc thẩm số 01/2019/KDTM-HĐT ngày 21/01/2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 26/02/2020, Toà án nhân dân tối cao đã ra Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2020/KDTM-GĐT ngày 08/07/2020. Toà án nhân dân tối cao quyết định:

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 04/2020 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.
- Huỷ Quyết định Giám đốc thẩm số 01/2019.
- Giao hồ sơ cho Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử lại thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(ii) Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HĐTUVĐT/KVS/TN/2012 ngày 27/08/2012 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái và các phụ lục số 01/PLHDTUVD/TVS-PT/2013 ngày 27/02/2013; số 02/PLHDTUVD/TVS-PT/2013 ngày 03/10/2013 về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên”, thời hạn đầu tư là 6 tháng, gia hạn đến ngày 27/09/2013 và tiếp tục được gia hạn tới ngày 27/11/2013; lợi nhuận 1,5%/tháng và giảm xuống còn 1,2%/tháng kể từ ngày 27/02/2013. Số tiền góp của Công ty là 7.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo bao gồm: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 359, phường Cái Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đến thời điểm 30/06/2014, thời hạn thu hồi Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư đã quá hạn hơn 7 tháng so với thời hạn đã gia hạn. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định và ngừng thu lãi của Hợp đồng từ ngày 01/04/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**B09-CTCK***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

Ngày 20/08/2018, Công ty đã có đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái ra Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái không còn hoạt động trên địa bàn đăng ký kinh doanh. Ngày 29/06/2018, Công ty đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đề nghị xử lý hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Công ty đã gửi đơn khởi kiện lên công an đề nghị khởi tố hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện tại, vụ án đang được điều tra và chưa có kết luận của cơ quan điều tra. Chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty không còn hoạt động tại địa bàn đăng ký kinh doanh. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết. Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái đã bị thu hồi theo quyết định số 1481/QĐ-UBND.

(iii) Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 02/HĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 26/07/2012 với Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC và Phụ lục số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 30/09/2012 để nghiên cứu cơ hội đưa ra phương án tốt nhất và Bên A (Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden) thực hiện dự án: Thời hạn đầu tư 2 tháng, được gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 30/01/2013. Lợi nhuận là 1,5%/tháng. Số tiền góp của Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC là 9.500.000.000 VND.

Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất tại 99 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội của ông Nguyễn Tiến Hùng và vợ là bà Lê Kim Dung.

Theo Bản án số 29/2019/DS-ST ngày 14/09/2019, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử: Buộc Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden – TNC phải trả cho Công ty số tiền 9.500.000.000 VND. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc phát mại tài sản đảm bảo. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngày 03/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden – TNC về việc phải trả cho Công ty số tiền 9.500.000.000 VND. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty này đã ngừng hoạt động tại địa chỉ đăng ký mã số thuế và đang hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế

(iii) Ông Khương Tuấn Sơn

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 02/HĐTUVĐT/KVS/2012 ngày 25/06/2012 với ông Khương Tuấn Sơn với mục đích hoàn thiện nhà, thời hạn 6 tháng, lợi nhuận 1,8%/tháng. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở thửa số 54B, tổ dân phố Yên Phúc, phường Yên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Các phụ lục: Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐTUVĐT/2012 gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 25/03/2013; Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐTUVĐT/2013 ngày 28/11/2013 gia hạn đến ngày 25/11/2014 và điều chỉnh lợi nhuận xuống còn 1,2%/tháng.

Công ty đã ngừng dự thu lãi Hợp đồng này và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, ông Khương Tuấn Sơn không có khả năng trả nợ, Công ty đã xác định không thu hồi được giá trị vốn tạm ứng, đã thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn, phần công nợ còn lại là khoản không còn khả năng thu hồi chờ xử lý xóa sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.533.495.540	-
- Phí quản lý thành viên	9.999.998	-
- Tên miền, bản quyền phần mềm	894.232.837	-
- Dịch vụ truyền số liệu P2P	118.759.193	-
- Chữ ký số, cước VNPT, Findata	325.058.206	-
- Dịch vụ manage service data center	185.445.306	-
Chi phí trả trước dài hạn	35.150.371.268	-
- Tiền thuê văn phòng	34.145.325.609	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	465.583.242	-
- Chữ ký số, phần mềm	15.008.695	-
- Các chi phí khác	524.453.722	-
Cộng	36.683.866.808	-

11. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	5.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-
Cộng	5.000.000	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Chi phí thi công dự án cải tạo văn phòng (*)	8.485.915.211	-
Cộng	8.485.915.211	-

(*) Chi phí thi công sửa chữa, cải tạo văn phòng BIS dự án BIS Office theo hợp đồng số 02/2025/HĐTC/BIS-MTV ngày 15/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS và Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng và Thương mại Mai Trang Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	-	-	-
Mua trong kỳ	21.456.378.680	119.018.160	21.575.396.840
31/12/2024	<u>21.456.378.680</u>	<u>119.018.160</u>	<u>21.575.396.840</u>
HAO MÒN LUYỄN KẾ			
01/01/2025	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	(238.404.214)	(4.760.726)	(243.164.940)
30/06/2025	<u>(238.404.214)</u>	<u>(4.760.726)</u>	<u>(243.164.940)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	-	-	-
30/06/2025	<u>21.217.974.466</u>	<u>114.257.434</u>	<u>21.332.231.900</u>

14. QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	464.283.900	464.283.900
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	60.409.305	92.430.391
Cộng	<u>524.693.205</u>	<u>556.714.291</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Fiiingroup Việt Nam	334.125.000	-
- Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng và Thương mại Mai Trang Việt	245.203.200	-
- Các đối tượng khác	2.089.492	-
Cộng	<u>581.417.692</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS

Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**B09-CTCK**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

16. DỰ PHÒNG SUY GIẢM CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2025				
	Giá trị phải thu khó đòi Ngày 30/06/2025	01/01/2025	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng trả trước cho người bán	150.000.000	550.000.000	-	(400.000.000)	150.000.000
- Công ty Luật hợp danh Chấn Hưng (Văn phòng luật sư Nguyễn Thế Quyền)	-	400.000.000	-	(400.000.000)	-
- Công ty Luật Tuấn Minh	150.000.000	150.000.000	-	-	150.000.000
2. Dự phòng nợ khoản phải thu khác	38.885.000.000	38.885.000.000	-	-	38.885.000.000
- Tổng Công ty Bất động sản Đông Á	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
- Khương Tuấn Sơn	385.000.000	385.000.000	-	-	385.000.000
Cộng	39.035.000.000	39.435.000.000	-	(400.000.000)	39.035.000.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2025		Số phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp/ điều chỉnh	Số đã nộp/ khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	366.169.731	37.892.004	-	328.277.727
- Thuế thu nhập cá nhân	65.875.171	-	500.513.807	434.638.636	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.449.154	-	-	1.381.814.992	1.547.264.146	-
- Các loại thuế khác	-	-	47.712.000	47.712.000	-	-
Cộng	231.324.325	-	914.395.538	1.902.057.632	1.547.264.146	328.277.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư Gkey Homes	245.000.000.000	49,00%	245.000.000.000	49,00%
- Bà Phạm Lê Tú Uyên	100.000.000.000	20,00%	100.000.000.000	20,00%
- Bà Phan Thanh Trà	-	0,00%	84.571.500.000	16,91%
- Bà Đặng Hồng Thi	-	0,00%	70.428.500.000	14,09%
- Ông Đặng Trần Bảo Tín	155.000.000.000	31,00%	-	0,00%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

18.2 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận đã thực hiện	(113.796.133.525)	(114.246.534.436)
Cộng	(113.796.133.525)	(114.246.534.436)

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	500.000.000.000	220.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	280.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.000.000	50.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.5 CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN LƯU HÀNH TRONG KỲ

	30/06/2025	30/06/2024
	CP	CP
- Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	50.000.000	22.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	28.000.000
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	50.000.000	27.076.923

19. THUYẾT MINH CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

19.1 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 29/06/2022 và ngày 31/05/2022, Công ty đã thông qua xóa bỏ công nợ của Công ty đối với các khoản phải thu, đầu tư, tồn đọng từ lâu, không ghi chi tiết đối tượng phải thu, không có hồ sơ lưu liên quan. Theo đó, Công ty đã ghi giảm các khoản phải thu, đầu tư này và giảm dự phòng tương ứng.

STT	Đối tượng	Tại 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2024 VND
1	Tổng Thị Bích Đào	393.799.261	393.799.261
2	Nguyễn Văn Chuyên	470.911.000	470.911.000
3	Lã Quốc Hùng	413.000.000	413.000.000
4	Vũ Cát Sự	266.294.346	266.294.346
5	Huỳnh Thiện Phúc Ngũ	151.583.806	151.583.806
6	Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden	224.200.000	224.200.000
7	Nguyễn Thị Hằng Nga	2.752.765.225	2.752.765.225
8	Nguyễn Văn Chuyên	306.404.644	306.404.644
9	Nguyễn Hữu Minh	416.757.878	416.757.878
10	Lê Hoàng Tuấn	607.012.515	607.012.515
11	Nguyễn Thị Vui	544.355.109	544.355.109
12	Trần Thị Hồng Anh	580.999.605	580.999.605
13	Đối tượng khác	3.419.605.235	3.419.605.235
Cộng		10.547.688.624	10.547.688.624

19.2 CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) **B09-CTCK**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

19. THUYẾT MINH CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

19.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	431.630.000	417.740.000
Cộng	431.630.000	417.740.000

19.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.660.000	22.660.000
Cộng	22.660.000	22.660.000

19.5 TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	103.835.690
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	103.835.690	103.835.690
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	27.369.557	19.864.572
Cộng	131.205.247	123.700.262

19.6 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	103.835.690
- Nhà đầu tư trong nước	103.835.690	103.835.690
Cộng	103.835.690	103.835.690

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	3.700.000.000
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.585.516.441	-
Cộng	7.585.516.441	3.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	347.440.260	174.000.000
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	268.225.893	347.293
Cộng	615.666.153	174.347.293

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng	87.190.332	277.696.327
Cộng	87.190.332	277.696.327

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí lương và các khoản phúc lợi	3.157.290.157	444.892.710
- Chi phí vật tư văn phòng	6.232.105	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	49.217.721	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	243.164.940	136.711.716
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.000.000	145.159.810
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(400.000.000)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.484.168.122	215.000.425
- Chi phí bằng tiền khác	14.852.206	285.834.817
Cộng	6.561.925.251	1.227.599.478

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí khác	44.714.458	12.612.730
Cộng	44.714.458	12.612.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

25. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	450.400.911	2.563.149.826
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	50.000.000	27.076.923
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	9	95

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan bao gồm :

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	538.469.565	243.723.810

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh này đã được điều chỉnh hồi tố, do ngày 07/07/2025 Cơ quan thuế Thành phố Hà Nội ra quyết định số 577/QĐ-HAN-Ktr5-XPVPHC về việc Xử phạt vi phạm hành chính về thuế, theo đó, số tiền truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm 2024 là 277.217.564 đồng.

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2024 sau điều chỉnh	01/01/2024 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh
		VND	VND	VND
Nguồn vốn				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	1.547.264.146	1.270.046.582	277.217.564
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	(114.246.534.436)	(113.969.316.872)	(277.217.564)


Lê Thị Nhi
Người lập biểu


Đỗ Quý Phương Toàn
Kế toán trưởng


Đặng Trần Bảo Tín
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025